TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HS-ST
Ngày 05 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Thu và ông Nguyễn Quang Đạc.

***- Thư ký phiên tòa*:**

+ Tại điểm cầu trung tâm: ông Hoàng Trung Hiếu là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

+ Tại điểm cầu thành phần: ông Nguyễn Thái H, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: ông Dương Tiến D, Kiểm sát viên

+ Tại điểm cầu thành phần: ông Nguyễn Đức C, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2026/HSST-QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026. Phiên tòa được mở trực tuyến tại 02 điểm cầu, điểm cầu trung tâm là Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh (địa chỉ: phường C, tỉnh Quảng Ninh); điểm cầu thành phần Hội trường xét xử trực tuyến Trại tạm giam Công an tỉnh Q (địa chỉ: phường H, tỉnh Quảng Ninh) đối với:

- *Các bị cáo:*

1. Doòng Cắm L, sinh ngày 25/6/2003, tại H, Quảng Ninh; số CCCD: 022203000260; nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Doòng Chống T và bà Chìu Tài M; vợ là Phùn T1 Múi và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 03/02/2026, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Chíu Phúc Q, sinh ngày 14/6/2006, tại H, Quảng Ninh; số CCCD: 022206004647; nơi cư trú: thôn N, xã H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động

tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chíu Mằn L và bà Chìu Mùi S; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 03/02/2026, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Phùn Dì C2, sinh ngày 31/12/2006, tại H, Quảng Ninh; số CCCD: 022206005173; nơi cư trú: thôn P, xã L, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùn Dảu P và bà Lỷ Sám M1; vợ con: chưa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/02/2026, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Trần Quý C1, là Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, bào chữa cho bị cáo Doòng Cắm L1 và bị cáo Chíu Phúc Q. Vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị Thu T2, là Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, bào chữa cho bị cáo Phùn Dì C2. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Chìu Mùi S, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn C, xã H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. Chị Phùn Tài M2, sinh năm 2005; nơi cư trú: thôn C, xã H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3. Anh Chìu Vằn T3, sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4. Anh Chu Đức H1, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1994; nơi cư trú: khu phố B, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* người chứng kiến Trần Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 17 giờ ngày 03/02/2026, tại khu vực K+300 đường M thuộc thôn P, xã H, tỉnh Quảng Ninh, Đồn Biên phòng Cửa khẩu H3 phối hợp với Bộ đội Biên phòng tỉnh Q phát hiện, bắt quả tang Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q và Phùn D1 Chính sử dụng 03 xe mô tô chở 05 công dân Trung Quốc, gồm các anh Pan You M3 (Phan Hữu M4), X (H), anh Rao B (N), anh Yang Chuan J (Dương Xuyên K), anh Huang Dong F (H), đều không có giấy tờ nhập cảnh hợp pháp đang trên đường xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi bị phát hiện, Phùn D1 Chính bỏ chạy, đến ngày 04/02/2026 đã ra đầu thú.

Quá trình điều tra xác định: thông qua mạng xã hội WeChat, Doòng Cắm L được các đối tượng người Trung Quốc tên Văn L3 và A C3 thuê đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép với tiền công 1.000 Nhân dân tệ/người. Lỷ đã rủ Chíu Phúc Q và P1 Dì C2 cùng tham gia; cả ba thống nhất sau khi hoàn thành việc đưa người xuất cảnh trái phép sẽ chia đều tiền công.

Ngày 03/02/2026, theo sự chỉ đạo của A C3, các bị cáo đón 05 người Trung Quốc tại khu vực xã L, sau đó dẫn đi theo đường rừng đến khu vực thôn P rồi sử dụng 03 xe mô tô chở số người này đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép thì bị lực lượng Bộ đội Biên phòng phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Ngoài hành vi phạm tội quả tang ngày 03/02/2026, Doòng Cắm L1 và Chíu Phúc Q còn khai nhận ngày 01/02/2026 đã cùng một đối tượng khác có tài khoản Wechat là KK đưa 03 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép và được trả tiền công (Lỷ được 4.500.000 đồng; Quay được 3.000.000 đồng, đối tượng KK được 3.000.000 đồng, đều là tiền Việt Nam). Riêng Doòng C4 Lỷ còn khai trong tháng 11/2025 đã 04 lần làm nhiệm vụ cảnh giới cho các đối tượng tổ chức xuất cảnh trái phép để hưởng tiền công; Chíu Phúc Quay khai ngày 02/02/2026 đã chở 01 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép nhưng chưa nhận tiền công.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô BKS 14P1- 037.84 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi kèm 01 sim tạm giữ của Chíu P; 01 xe mô tô BKS 14P1- 040.26 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo kèm 01 sim tạm giữ của Doòng C4 Lỷ; 01 xe mô tô BKS 14K1- 123.19 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone tạm giữ của Phùn D1 Chính chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Ninh để quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 120/CT-VKSQN-P1 ngày 18/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q, Phùn D1 C2 về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh được phân công thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Doòng Cắm L1 từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt: bị cáo Chíu Phúc Q từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của cả hai bị cáo tính từ ngày 03/02/2026.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Phùn D1 Chính từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2026.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn

định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Doòng Cắm L1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-040.26, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14K1-123.19, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000 đồng của bị cáo Doòng Cắm L1 (số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp trước khi xét xử).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Chíu Phúc Q 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-037.84, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Chíu Phúc Q (số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp trước khi xét xử).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Phùn Dì C2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

- Tịch thu, tiêu hủy 02 (hai) sim số.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Chu Đức H1, anh Chíu Văn T4, anh Nguyễn Văn L2, chị Phùn Tài M2, bà Chìu Mùi S vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các anh Nguyễn Văn L2, anh Chu Đức H1 và anh Chíu Văn T4 có quan điểm thể hiện: anh L2 trình bày, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14K1-123.19 có nguồn gốc của anh, năm 2022 anh đã bán cho một cửa hàng xe máy ở M với giá 15.000.000 đồng, khi bán có lập hợp đồng viết tay chưa sang tên đổi chủ, anh không quen biết gì với bị cáo Doòng Cắm L1, chiếc xe anh đã bán, không còn thuộc sở hữu của anh nên anh không có yêu cầu gì. Anh H1 trình bày, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-040.26 có nguồn gốc của anh, năm 2019 anh đã bán cho một cửa hàng xe máy tại B, khi bán có lập hợp đồng viết tay chưa sang tên đổi chủ, anh không quen biết gì với bị cáo Doòng Cắm L1, chiếc xe anh đã bán, không còn thuộc sở hữu của anh nên anh không có yêu cầu gì. Anh T4 trình bày, chiếc xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-037.84 có nguồn gốc của anh T4, năm 2023 anh đã bán cho bị cáo Chíu Phúc Q là người cùng xã với giá 20.000.000 đồng, khi bán có lập hợp đồng viết tay chưa sang tên đổi chủ, chiếc xe anh đã bán, không còn thuộc sở hữu của anh nên anh không có yêu cầu gì. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phùn Tài M2, bà Chìu Mùi S có quan điểm thể hiện: chị Phùn Tài M2 là vợ hợp pháp của bị cáo Doòng Cắm L1, hai chiếc xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 14K1-123.19 và 14P1-040.26 là tài sản chung vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bị cáo Doòng Cắm L1 sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên chiếc xe 14P1-040.26 là phương tiện duy nhất của gia đình, chị đề nghị Tòa án trả lại, đối với chiếc 14K1-123.19 chị đề nghị giải quyết theo quy

định của pháp luật. Bà Chìu Mùi S là mẹ đẻ của bị cáo Chíu Phúc Q, chiếc xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-037.84 bà có góp 10.000.000 đồng cho Q để mua xe, đây là tài sản của Q, việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội bà không biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Trần Quý C1 người bào chữa cho bị cáo Doòng Cắm L1 và Chíu P2 Quay vắng mặt, có bản luận cứ gửi Hội đồng xét xử bào chữa cho các bị cáo thể hiện quan điểm: việc truy tố các bị cáo về tội danh, tình tiết định khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức còn hạn chế, trong vụ án chủ mưu, cầm đầu thực sự là các đối tượng không rõ lai lịch như: Văn Lìng, A C3, các bị cáo chỉ là người dẫn đường chở người theo sự chỉ đạo trên nhóm W, tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng bị ngăn chặn kịp thời, hậu quả chưa xảy ra hoàn toàn. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt hoặc dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L1 và Q, tạo cơ hội cho các bị cáo sớm trở về với xã hội và tái hòa nhập cộng đồng.

Các bị cáo Doòng Cắm L4, Chíu Phúc Q đồng ý với luận cứ bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Thu T2 người bào chữa cho bị cáo Phùn Dì C2 có quan điểm bào chữa: việc truy tố bị cáo về tội danh, tình tiết định khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố là phù hợp với quy định của pháp luật. Người bào chữa chỉ đưa ra một số nội dung đánh giá vai trò của bị cáo để Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo C2 là đồng phạm thứ yếu, bị động và khác biệt với hành vi chuyên nghiệp của các bị cáo khác, trước đó bị cáo L4 và Q đã tổ chức đưa trót lọt người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, L4 cũng đã từng thêm hành vi cảnh giới cho người khác để nhận tiền, Q còn thực hiện thêm một chuyến chở một người xuất cảnh. Bị cáo C2 hoàn toàn đứng ngoài cuộc, không biết, không thamg gia. Về vai trò trong vụ án bị cáo C2 chỉ tham gia vào giai đoạn cuối chuyến ngày 03/02/2026 do được rủ rê, lôi kéo, hứa chia ba tiền công. Chính thuần túy chỉ là người giúp sức, thứ yếu, bộc phát, mang tính nhất thời. Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa thu lời bất chính, hoàn cảnh, trình độ học vấn và nhận thức pháp luật hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt hoặc dưới mức thấp nhận của khung hình phạt.

Bị cáo Phùn Dì C2 đồng ý với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm tranh luận: người bào chữa có mặt, người bào chữa không có mặt có bản bào chữa đều không tranh luận về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, nên đại diện Viện kiểm sát không đối đáp. Đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra lập luận trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và quá trình xét hỏi tại phiên tòa đã làm rõ đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo L4 là người lôi kéo rủ rê Quay và C2 tham gia, bị cáo Q và C2 tham gia tích cực, cùng vào nhóm mạng xã hội để

nhận thông tin. Ngoài rủ rê lôi kéo, bị cáo L4 còn chuẩn bị cả phương tiện cho đồng phạm và cùng với Q đã thực hiện trót lọt hành vi phạm tội một lần trước đó, nên đánh giá L4 và Q giữ vai trò chính ngang như nhau, các bị cáo L4 và Q đều không có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không chấp nhận áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo C2 giữ vai trò sau L4 và Q, hoàn toàn không phải là người giúp sức với vai trò không đáng kể, vì tham gia tích cực, với mong muốn chủ quan hưởng lợi như nhau. Do đó, không áp dụng Điều 54 đối với bị cáo C2. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như luận tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q, Phùn D1 C2 thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố là đúng. Lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố:

[2.1] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội: tại phiên tòa các bị cáo Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q, Phùn D1 Chính khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của những người xuất cảnh trái phép và các tài tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: vì động cơ vụ lợi ngày 01/02/2026 Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q đã có hành vi tổ chức cho người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc, L1 được hưởng lợi 4.500.000 đồng, Q hưởng lợi 3.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ ngày 03/02/2026, tại Km 8 + 300 đường M - 68 thuộc thôn P, xã H, tỉnh Quảng Ninh Doòng Cắm Lỷ, Chíu Phúc Q rủ thêm Phùn Dì C2 tiếp tục có hành vi tổ chức cho người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc thì bị Đồn Biên phòng cửa khẩu

H3 phát hiện bắt giữ. Do đó, hành vi của các bị cáo Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q, Phùn Dì C2 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về tình tiết định khung hình phạt: ngày 01/02/2026 Doòng Cắm L, Chíu Phúc Q tổ chức cho 03 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc, ngày 03/02/2026 Doòng Cắm Lỷ, Chíu Phúc Q, Phùn D1 Chính tổ chức cho 05 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là "đối với từ 05 người đến 10 người" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Do đó, cần đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm mới có tác dụng giáo dục, ngăn chặn và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo L1 là người trực tiếp liên hệ với các đối tượng "KK", A C3, Văn L3 là những người có nhu cầu thuê đưa người xuất cảnh trái phép. Sau khi biết công việc và tiền công, L1 rủ thêm Q tham gia Quay hưởng ứng tích cực và cùng với L1 đã tổ chức trót lọt ngày 01/02/2026. Sau khi được hưởng lợi, L1 rủ thêm C2 là bạn bè xã hội cùng tham gia cùng, C2 hưởng ứng tích cực, đồng thời Lỷ chuẩn bị phương tiện cho C2 tham gia chở người Trung Quốc, cả ba thống nhất sau khi đưa người Trung Quốc xuất cảnh thành xong thì tiền công sẽ chia đều. Do đó, xác định vai trò của L1 và Q là ngang nhau. Đối với bị cáo C2 tham gia một lần và chưa được hưởng lợi giữ vai trò sau L1 và Q.

Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến vai trò, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo, để đưa ra mức hình phạt phù hợp với hành vi của từng bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Phùn Dì C2 sau khi bị cơ quan phát hiện đã tự nguyện ra trình diện do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q đều không có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Phùn Dì C2 không phải là

người giúp sức vai trò không đáng kể, nên không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, đề nghị của người bào chữa không được chấp nhận. Do đó, cần thiết ấn định mức hình phạt trong khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo Doòng Cắm L1, Chíu Phúc Q, Phùn Dì C2 và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-040.26, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14K1-123.19, thu giữ của bị cáo Doòng Cắm L1, bị cáo sử dụng 01 chiếc và đưa cho bị cáo C2 01 chiếc để chở người Trung Quốc đến địa điểm xuất cảnh trái phép thì bị bắt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phùn Tài M2 (là vợ hợp pháp của bị cáo Doòng Cắm L1) cho rằng cả hai xe mô tô đều tài sản chung vợ chồng, đề nghị trả lại chị chiếc xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-040.26 vì đây là phương tiện duy nhất mà chị dùng đi lại, còn chiếc xe biển kiểm soát 14K1-123.19 là bị cáo dùng thường xuyên đề nghị giải quyết theo pháp luật. Xét cả hai chiếc xe nói trên, đều là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của chị Phùn Tài M2.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của bị cáo Doòng Cắm L1, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 14P1-037.84, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của bị cáo Chíu Phúc Q, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị cáo Phùn Dì C2, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 02 (hai) sim số, vật không giá trị, tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính tổng số 7.500.000 đồng do các bị cáo L1 và Q phạm tội mà có, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Nội dung liên quan:

- Đối với đối tượng đã tổ chức, đưa dẫn 05 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép: A Chu, Văn L3, KK và người lái xe ô tô, đều không làm rõ được lai lịch, địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý. Đới với 05 người Trung Quốc có hành vi xuất nhập cảnh trái phép nhưng chưa bị xử lý hành chính về hành vi này nên không xử lý hình sự, Cơ quan An ninh điều tra đã bàn giao cho Phòng Q1, nhập cảnh Công an tỉnh Q để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Đối với lời khai của Doòng C4 Lỷ về nội dung trong tháng 11/2025, L1 đã 04 lần đi trông đường, cảnh giới cho người khác xuất cảnh trái phép; lời khai của Chíu Phúc Quay về nội dung

ngày 02/02/2026 đã chở 01 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Ngoài lời khai nhận của các bị cáo không còn tài liệu chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ để xử lý.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt và điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Doòng C4 Lỷ 06 (sáu) năm tù, về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/02/2026.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Chíu Phúc Q 06 (sáu) năm tù, về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/02/2026.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Phùn Dì C2 05 (năm) năm tù, về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2026.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a, b khoản 2 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu cam, biển kiểm soát 14P1-040.26, số khung: RLCUG061JY644718; số máy: G3D4E-671349. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng xe.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển kiểm soát 14P1-123.19, số khung: RLCUG00610FY022870; số máy: G3D4E-22875. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng xe.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển kiểm soát 14P1-037.84, số khung: RLCUG0610HY550874; số máy: G3D4E-575005. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng xe.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Oppo màu xanh, số Imei 1: 867119060038536; số Imei 2: 867119060038528, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (Doòng Cắm L).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (Phùn Dì C).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Redmi, màu xanh, số Imei 1: 867510071253629; số Imei 2: 867510071253637, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiêm tra chất lượng bên trong máy (Chíu Phúc Q).

- Tịch thu, tiêu hủy 02 (hai) sim số.

(Tình trạng số vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày số: 61/BB-THA/KV4 ngày 22/6/2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Ninh).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Doòng Cắm L1 (số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000128 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) của bị cáo Chíu Phúc Q (số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000127 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: buộc các bị cáo Doòng Cắm L1 , Chíu Phúc Q, Phùn Dì Chính, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT, THAHS Công an tỉnh QN;
- Viện kiểm sát, Phòng THADS cùng cấp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Phòng HSNV Công an tỉnh QN;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đình Khoa